Số: 21../2019/QĐ-HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 12/2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông;*
- *Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị ngày 28./..01./2019;*
- *Xét đề nghị của Tổng giám đốc tại Tờ trình số 02./2019/TT-QLRRDN ngày 03./01./2019 của Phòng Quản lý rủi ro Doanh nghiệp V/v ban hành Quyết định công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn tháng tháng 12/2018.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này **"CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 12/2018"**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Quản lý rủi ro Doanh nghiệp và Phòng Quan hệ công chúng chịu trách nhiệm tiến hành đăng tải bảng công bố thông tin an toàn vốn trên trang thông tin điện tử (Website) của OCB và niêm yết tại trụ sở chính đúng quy định nội bộ của OCB và quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGAN HANG THUONG MAI CO PHAN PHUONG DONG

TRỊNH VĂN TUẤN

Nơi nhận:
- Như Điều 3 "để thi hành";

Sao gửi:
- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- Lưu VT, Vp.HĐQT, P.QLRRDN

OCB
Ngân Hàng Phương Đông

Niềm tin và thịnh vượng

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 12/2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21.../2019/QĐ-HĐQT ngày 29...01.../2019 của Hội Đồng Quản Trị Ngân hàng TMCP Phương Đông)

NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG (OCB)
41 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q1, Tp.HCM
Tel: (028) 38.220.960 - Fax: (028) 38.220.963
Email: ocb@ocb.com.vn - Website: www.ocb.com.vn

MỤC LỤC

1. PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN 3
2. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ 3
3. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN 3
4. RỦI RO TÍN DỤNG 5
5. RỦI RO THỊ TRƯỜNG 7
6. RỦI RO HOẠT ĐỘNG 9

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1- Cơ cấu vốn tự có 3
Bảng 2- Tỷ lệ an toàn vốn 4
Bảng 3- Tài sản có điều chỉnh rủi ro (RWA) tính theo rủi ro tín dụng theo ngành 6
Bảng 4- Tài sản có điều chỉnh rủi ro (RWA) tính theo rủi ro tín dụng theo đối tượng 7
Bảng 5- Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động 10

1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Thông tin công bố của trụ cột 3 theo Basel 2 này liên quan đến Ngân hàng TMCP Phương Đông (gọi tắt là "OCB") cho thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018. Các khoản mục công bố được biên soạn phù hợp với Thông tư 41/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Quy định nội bộ về thu thập và công bố thông tin an toàn vốn của OCB.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết mà OCB hợp nhất để lập báo cáo tài chính và tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Mã	Đơn vị đầu tư (ĐVĐT)	Vốn điều lệ của đơn vị đầu tư	Giá trị đầu tư
ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON				**25,000**
1	OIMT	CTY TNHH MTV CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ NHTM PHƯƠNG ĐÔNG	25,000	25,000

2. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ

Các thông tin về vốn cấp 1 hợp nhất, vốn cấp 2 hợp nhất và giá trị các khoản mục giảm trừ khi OCB tính vốn tự có, vốn tự có hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2018

Bảng 1- Cơ cấu vốn tự có

Đơn vị tính: triệu đồng

VỐN TỰ CÓ		
1	Vốn cấp 1	8,795,750
2	Vốn cấp 2	337,148
3	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	25,000
Tổng cộng		**9,107,898**
VỐN TỰ CÓ HỢP NHẤT		
1	Vốn cấp 1 hợp nhất	8,797,437
2	Vốn cấp 2 hợp nhất	337,148
3	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có hợp nhất	-
Tổng cộng		**9,134,585**

3. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

3.1. Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

OCB phát triển công cụ tính toán hệ số an toàn vốn tự động và kết nối trực tiếp với Kho dữ liệu của Ngân hàng. Công cụ cho phép tính Tài sản có rủi ro của từng nhóm rủi ro

khác nhau (rủi ro tín dụng, rủi ro tín dụng đối tác, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động) và Tài sản có rủi ro cho các khối kinh doanh.

3.2. Kế hoạch vốn đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn

OCB đã và đang triển khai các kế hoạch sau để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn:

- Cấu trúc lại danh mục tài sản tối ưu của Ngân hàng nhằm định hướng kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Thực hiện phân bổ vốn tự có của Ngân hàng xuống cho các Khối kinh doanh quản lý sử dụng vốn hiệu quả.
- Đưa ra các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro của khách hàng nhằm đảm bảo lợi nhuận của khách hàng đem về đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng; OCB đã hoàn thiện công cụ tính hệ số rủi ro cho từng khoản vay, triển khai và tự động hóa trong năm 2018.
- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ và bù đắp rủi ro của khách hàng mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

Bảng 2- Tỷ lệ an toàn vốn *Đơn vị tính: triệu đồng*

Chi tiết danh mục	31/12/2018
Rủi ro tín dụng *(Phương pháp cơ bản)*	**69,033,731**
Nội bảng	66,602,973
Ngoại bảng	2,430,757
Rủi ro thị trường *(Phương pháp cơ bản)*	**547,384**
Rủi ro lãi suất	502,323
Rủi ro giá cổ phiếu	-
Rủi ro giá hàng hóa	-
Rủi ro ngoại hối	45,060
Giao dịch quyền chọn	-
Rủi ro hoạt động *(Phương pháp chỉ số kinh doanh)*	**6,268,608**
Tổng cộng	**75,849,722**
Tổng các khoản trừ khỏi vốn	**90,250**
Tổng vốn cấp 1 (sau các khoản trừ)	**8,797,437**
Tổng vốn hợp lệ (sau các khoản trừ)	**9,134,585**
Yêu cầu vốn tối thiểu	**6,067,978**
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 hợp nhất	**11.60%**
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	**12.04%**

4. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với OCB (trừ các trường hợp thuộc rủi ro tín dụng đối tác). Trong đó, khách hàng là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ tín dụng, gửi tiền với OCB, trừ các đối tác quy định tại rủi ro tín dụng đối tác.

Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của tối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này. Trong đó, đối tác là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có giao dịch với OCB trong giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này.

Chính sách trong quản lý rủi ro tín dụng

OCB xây dựng Quy chế quản lý rủi ro tín dụng nhằm thống nhất cấu trúc khung quản trị, đồng thời hoàn thiện, số hóa và chuyên nghiệp hóa bộ quy trình cấp tín dụng với mục đích định hình một chu trình cấp tín dụng một cách tổng thể từ khâu tiếp xúc Khách hàng đến khâu kiểm soát sau khi cấp tín dụng và thu hồi nợ, giảm thiểu hồ sơ khách hàng cần cung cấp mà vẫn kiểm soát rủi ro cho OCB.

Hàng loạt các quy định nghiệp vụ liên quan khác (bảo đảm tiền vay, quản lý tài sản đảm bảo) được OCB hoàn thiện đảm bảo mọi tác nghiệp tại Đơn vị kinh doanh tuân thủ theo quy định của pháp luật và kiểm soát rủi ro. Định kỳ hàng năm, các quy định, quy trình nghiệp vụ này được OCB rà soát và điều chỉnh phù hợp.

Thông qua việc ban hành các văn bản và đào tạo tập trung trong toàn hàng, OCB chuyển tải các hướng dẫn định hướng giảm thiểu hệ số rủi ro tín dụng đối với các tài sản có theo Basel 2 , nhằm đưa ra các khuyến nghị cho Đơn vị kinh doanh về đối tượng Khách hàng ưu tiên cấp tín dụng, hạn chế cấp tín dụng; về loại tài sản đảm bảo và về mục đích của khoản cấp tín dụng.

Các công cụ và mô hình được sử dụng trong quản lý rủi ro tín dụng

OCB triển khai công cụ xếp hạng tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp dưới sự tư vấn KPMG, định kỳ hàng năm OCB đều thực hiện đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp để có sự điều chỉnh.

Mô hình phê duyệt tín dụng tập trung đối với khoản cấp tín dụng có rủi ro cao. Trong đó quy định thẩm quyền phê duyệt tín dụng theo từng cá nhân phê duyệt phù hợp với năng lực, kinh nghiệm và chất lượng tín dụng.

Mô hình số hóa các quy trình liên quan đến nghiệp vụ cấp tín dụng sẽ là cơ sở để OCB có thể giám sát chặt chẽ thời gian thực hiện trong từng khâu trong quy trình xử lý từ Đơn vị kinh doanh đến Hội sở và theo từng cá nhân xử lý, giúp đẩy nhanh tiến độ xử lý đồng thời hạn chế sai sót trong quá trình tác nghiệp do hệ thống sẽ đưa ra các cảnh báo trong trường hợp phát hiện sai sót.

Thông tin cơ cấu tài sản có rủi ro phân bổ theo các tiêu chí được quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN tại thời điểm số liệu 31/12/2018

Bảng 3- Tài sản có điều chỉnh rủi ro (RWA) tính theo rủi ro tín dụng theo ngành

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Ngành nghề	Vốn yêu cầu	RWA
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	105,181	1,314,759
2	Khai khoáng	13,051	163,137
3	Công nghiệp chế biến, chế tại	733,790	9,172,379
4	SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	160,461	2,005,757
5	Cung cấp nước; Hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	82,889	1,036,113
6	Xây dựng	579,795	7,247,432
7	Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	601,678	7,520,977
8	Vận tải kho bãi	338,128	4,226,595
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	196,757	2,459,461
10	Thông tin và truyền thông	4,458	55,726
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1,284,711	16,058,892
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	285,420	3,567,747
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	4,950	61,872
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	26,360	329,494
15	Hoạt động của ĐCS, Tổ chức CT-XH, Quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; Bảo đảm xã hội bắt buộc	3,547	44,341
16	Giáo dục và đào tạo	29,227	365,332
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	19,298	241,219
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	5,146	64,327
19	Hoạt động dịch vụ khác	702,501	8,781,261

20	Hoạt động làm thuê các CV trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	309,084	3,863,546
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	396	4,952
Tổng danh mục		**5,486,826**	**68,585,319**

Bảng 4- Tài sản có điều chỉnh rủi ro (RWA) tính theo rủi ro tín dụng theo đối tượng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đối tượng	Vốn yêu cầu	RWA
1	Khoản phải đòi Công ty mua bán nợ của tổ chức tín dụng (VAMC), Công ty quản lý vốn nhà nước (DATC)	-	-
2	Khoản đòi các TCTD, tổ chức tài chính	893,644	11,170,549
3	Các Khoản phải đòi Doanh nghiệp không phải là TCTD, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	2,877,649	35,970,612
4	Các khoản phải đòi được đảm bảo bằng bất động sản	174,058	2,175,720
5	Khoản cho vay thế chấp nhà ở	20,452	255,648
6	Khoản cấp tín dụng bán lẻ	1,049,330	13,116,628
7	Khoản nợ xấu	111,024	1,387,803
8	Các loại tài sản nội bảng khác	360,669	4,508,359
Tổng danh mục		**5,486,826**	**68,585,319**

5. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của ngân hàng;
- Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ;
- Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng;
- Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hoá trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng.

Hiện tại, rủi ro thị trường của OCB chỉ phát sinh đối với rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối.

Chính sách trong quản lý rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro thị trường thực hiện kiểm soát và quản lý các rủi ro có thể xảy ra đối với các trạng thái rủi ro trên sổ kinh doanh của Ngân hàng do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Đảm bảo Ngân hàng hoạt động ổn định, giảm thiểu rủi ro gây ra làm ảnh hưởng đến lợi nhuận và/ hoặc vốn của Ngân hàng.

Việc triển khai thực hiện quản lý rủi ro thị trường phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh, khẩu vị rủi ro và đảm bảo tuân thủ chính sách, quy định của NHNN, Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

OCB thực hiện rà soát và cập nhật các quy định mới về quản lý rủi ro thị trường phù hợp với Quy định của NHNN và thực tế hoạt động của OCB, cụ thể:

- Thông báo hạn mức rủi ro thị trường năm 2018;
- Sửa đổi, bổ sung Quy định phân tách, quản lý Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng;
- Cập nhật quy chế, quy trình và các quy định liên quan đến quản lý rủi ro thị trường.

Các công cụ quản lý rủi ro thị trường

OCB sử dụng các công cụ sau để đo lường, kiểm soát và thực hiện báo cáo đối với rủi ro thị trường, theo nguyên tắc các rủi ro thị trường có mức độ trọng yếu phải được đo lường nhằm đánh giá tác động ngắn hạn và dài hạn lên thu nhập và vốn của Ngân hàng trong hiện tại và tương lai:

- Đánh giá danh mục/ trạng thái theo giá thị trường (Mark to Market)
- Giá trị rủi ro (Value at Risk- VaR).
- Phương pháp đo lường PV01
- Kiểm tra sức chịu đựng (Stress testing)

Danh mục thuộc sổ kinh doanh của OCB bao gồm: trái phiếu chính phủ, trạng thái ngoại tệ và vàng.

Chiến lược tự doanh: Chiến lược tự doanh của OCB được xây dựng dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô, dòng tiền, biến động của các yếu tố thị trường và tình hình tài chính cũng như hạn mức kinh doanh được giao. Từ những nhận định đó, bộ phận tự doanh của OCB sẽ tiếp tục xây dựng danh mục kinh doanh theo hướng tập trung vào các kỳ hạn có thanh khoản cao trên thị trường trong ngắn hạn và xem xét các yếu tố tác động, cung cầu thị trường để cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp trong dài hạn nhằm mang đến lợi nhuận tối đa cho OCB đồng thời cũng kiểm soát rủi ro trong hạn mức cho phép..

6. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

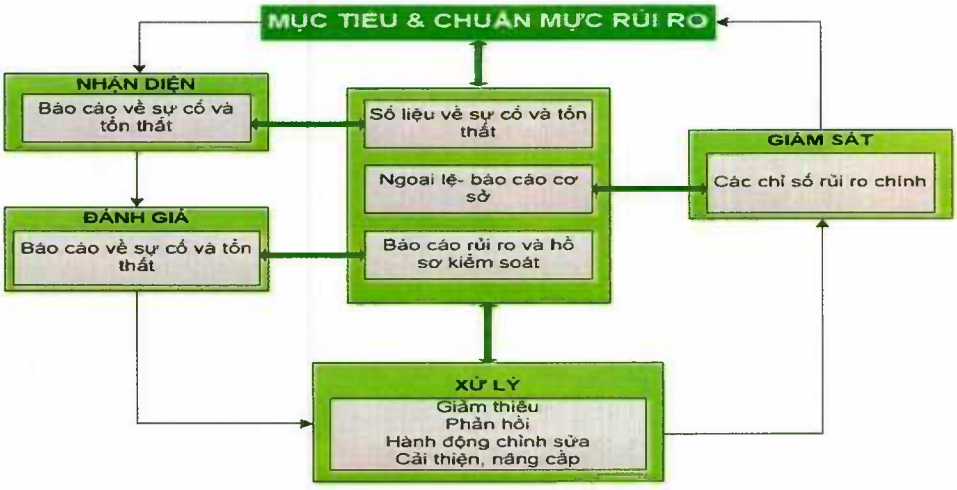
Rủi ro hoạt động là rủi ro do quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính (bao gồm cả rủi ro pháp lý).

Rủi ro hoạt động không bao gồm:

- Rủi ro danh tiếng
- Rủi ro chiến lược.

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động tại OCB bao gồm đầy đủ Quy định/ Quy trình được thiết kế để nhận diện, đo lường, đánh giá, theo dõi, kiểm soát rủi ro theo đúng các quy định hiện hành của các cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời phù hợp với các quy định và chiến lược kinh doanh của OCB . Bên cạnh đó, OCB cũng xây dựng cơ chế và hệ thống khai báo rủi ro hoạt động nhằm đảm bảo các rủi ro tiềm ẩn được phát hiện và xử lý nhanh nhất để hạn chế tổn thất.

Khung quản lý rủi ro hoạt đông của OCB có đầy đủ các công cụ theo đúng tiêu chuẩn quy định của Basel 2 với mục đích quản lý một cách hiệu quả và ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro hoạt động. Các công cụ này bao gồm.



- **Thu thập dữ liệu tổn thất (loss data collection):** Việc thu thập các sự kiện rủi ro hoạt động diễn ra liên tục là một điều kiện cơ sở cho việc quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm việc nhận diện rủi ro, phân tích nguyên nhân chính gây ra rủi ro và đề ra các hành động cần thực hiện nhằm ngăn ngừa sự kiện lặp lại.
- **Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát (RCSA):** công cụ tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát giúp các đơn vị tự nhận diện, đánh giá các rủi ro tiềm ẩn tại đơn vị mình, phân loại rủi ro theo mức độ từ cao tới thấp để từ đó có các hành động, bổ sung các chốt kiểm soát nhằm ngăn ngừa rủi ro.

- **Các chỉ số rủi ro chính (KRIs):** Các chỉ số rủi ro chính được sử dụng để theo dõi hồ sơ rủi ro hoạt động và cảnh báo cho OCB một cách kịp thời. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý rủi ro trong tương lai dựa trên các tín hiệu cảnh báo sớm.
- **Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục (BCP):** kế hoạch được xây dựng bao gồm việc chuẩn bị về địa điểm thay thế, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, nguồn nhân lực, kế hoạch hoạt động… để sẵn sàng kích hoạt sử dụng khi xảy ra các sự cố thảm họa.

Ngoài ra, OCB thực hiện ban hành các văn bản nhằm hướng dẫn việc ứng phó trong các trường hợp thiên tai/ bão lụt, cháy nổ, cướp tấn công, triển khai hệ thống dự phòng thảm họa (DRP) và tổ chức diễn tập thường xuyên hằng năm nhằm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra các sự cố hay thảm họa.

Bảng 5- Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động *Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Cấu phần	Mục chi tiết	Giá trị bình quân 3 năm	Vốn yêu cầu (*)	RWA
1	IC	Thu nhập lãi	12,077,195	1,811,579	22,644,741
2		Chi phí lãi	9,728,876	1,459,331	18,241,643
3	SC	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	327,991	49,199	614,983
4		Chi phí hoạt động dịch vụ	45,856	6,878	85,981
5		Thu nhập từ hoạt động khác	97,764	14,665	183,308
6		Chi phí hoạt động khác	89,428	13,414	167,677
7	FC	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	12,751	1,913	23,908
8		Lãi lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư,	345,955	51,893	648,666
9		Lãi lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối…	55,511	8,327	104,084
10		Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh lãi suất/ hàng hóa/các sản phẩm phái sinh	19,681	2,952	36,903
TỔNG VỐN YÊU CẦU CHO RỦI RO HOẠT ĐỘNG			**3,343,257**	**501,489**	**6,268,608**

(*) Giá trị bình quân 3 năm nhân với hệ số anpha 15%)